

Số: 58/2024/QĐST- HNGĐ

Minh Hoá, ngày 31 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2024/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: ông ĐHH – sinh năm 1971

Địa chỉ: thôn TH, xã HS, huyện MH, tỉnh QB

Bị đơn: bà CTSL – sinh năm 1970

Địa chỉ: thôn LH, xã TH, huyện MH, tỉnh QB

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hoá

Địa chỉ: tổ dân phố 1, thị trấn QĐ, huyện MH, tỉnh QB

Người được uỷ quyền: ông NTT – Phó Giám đốc phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hoá,

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: ông ĐHH và bà CTSL.
- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:  
- Về quan hệ hôn nhân: ông ĐHH và bà CTSL thuận tình ly hôn;

- Về con chung: các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết;

- Về tài sản chung: ông ĐHH và bà CTSL thoả thuận ông ĐHH sẽ sở hữu 01 ngôi nhà gổ 03 gian trị giá 40.000.000 đồng và được sử dụng thửa đất số 35 diện tích 1326.5 m<sup>2</sup> tại thôn TH, xã HS chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 thửa đất rừng sản xuất số 45 tờ bản đồ số 13 diện tích 21807 m<sup>2</sup> tại đồi CL, thôn TH, xã HS đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/12/2008. Ông ĐHH trả tiền chênh lệch tài sản ngôi nhà cho bà CTSL số tiền 20.000.000 đồng, ông ĐHH được hưởng giá trị còn lại là 20.000.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Về vay nợ chung: ông ĐHH và bà CTSL thoả thuận ông ĐHH có nghĩa vụ trả số tiền gốc 50.000.000 đồng và lãi phát sinh của khoản vay tại phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hoá theo khế ước số 6600000717396651 ngày 17/3/2020.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về chi phí thẩm định và định giá: số tiền 1.500.000 đồng. Căn cứ Điều 157 và Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự bà CTSL phải chịu 750.000 đồng, anh ĐHH phải chịu 750.000 đồng. Bà CTSL đã nộp 1.500.000 đồng vì vậy ông ĐHH có nghĩa vụ trả lại cho bà CTSL số tiền 750.000 đồng;

- Về án phí: ông ĐHH thuận chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn số tiền 150.000 đồng và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông ĐHH đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0000553 ngày 01/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa nay được khấu trừ, số tiền án phí dân sự ông ĐHH còn phải nộp là 350.000 đồng.

Bà CTSL phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 500.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện MH;
- THADS huyện MH;
- Các đương sự;
- Người có quyền lợi  
và nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã TH;
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Minh Toàn**